

Số: 45/2019/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 6 năm 2019

SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NGÃI	
ĐẾN	Số: 2808
	Ngày: 14/6/19..
	Chuyển:
	Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;
Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ
về quản lý chất thải rắn;
Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ
về Quản lý chất thải và phế liệu;
Căn cứ Thông tư số 121/2008/TT-BTC ngày 12/12/2008 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động
đầu tư cho quản lý chất thải rắn;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 555/TTr-SXD
ngày 11/3/2019 và Công văn số 1492/SXD-ĐT&HT ngày 27/5/2019; báo cáo
thẩm định số 183/BC-STP ngày 25/10/2018 của Sở Tư pháp về việc thẩm định
dự thảo Quyết định ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên
địa bàn tỉnh Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất
thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

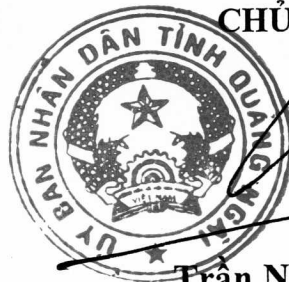
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/5/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây
dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các
huyện, thành phố Quảng Ngãi; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách
nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Xây dựng; Bộ TN&MT (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy (b/c);
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh;
- VPUB: PVP, CNXD, TH, NN-TN, CB;
- Lưu: VT, CNXD.tlsáng.202

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 15/2019/QĐ-UBND ngày 12/6/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong sinh hoạt hàng ngày trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (kể cả các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân là người nước ngoài) có hoạt động liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.
2. Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt là quá trình chuyên chở chất thải rắn sinh hoạt từ nơi phát sinh, điểm tập kết, lưu giữ, trung chuyển đến nơi xử lý, tái chế, tái sử dụng, hoặc bãi chôn lấp cuối cùng.
3. Chủ thu gom là các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện và được phép thực hiện hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.
4. “Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và xử lý” là khoản tiền chủ nguồn thải được cung ứng dịch vụ phải trả hàng tháng cho chủ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.
5. “Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện” bao gồm phòng Quản lý Đô thị thành phố, thị xã; Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc phòng kinh tế và Hạ tầng nông thôn các huyện.

Điều 4. Nguyên tắc chung quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Thực hiện các nội dung quy định tại Điều 4 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động làm phát sinh chất thải rắn sinh hoạt phải nộp tiền dịch vụ cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ưu tiên sử dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại để xử lý chất thải rắn sinh hoạt khó phân hủy, có khả năng giảm thiểu khối lượng chất thải được chôn lấp nhằm tiết kiệm tài nguyên (đất đai, năng lượng), chi phí xử lý.

4. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, phân loại, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hướng giảm ô nhiễm môi trường, ứng dụng công nghệ hiện đại và tiết kiệm tài nguyên, chi phí xử lý.

5. Khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo nhóm như quy định tại Khoản 1, Điều 15, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ để tái sử dụng, tái chế nhằm hạn chế chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại: Thực hiện theo Điều 15 của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ.

2. Đối với những nơi chưa có dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý thì khuyến khích hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt như sau: chất thải hữu cơ ủ làm phân bón cho cây trồng; chất thải có thể tái chế bán cho các cơ sở mua phế liệu; chất thải vô cơ không thể tái chế được chôn lấp hợp vệ sinh.

Điều 6. Hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được đơn vị thu gom do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hợp đồng thu gom vận chuyển về trạm trung chuyển hoặc đến cơ sở xử lý trên địa bàn.

2. Trên các tuyến đường, tuyến phố, quảng trường, nơi công cộng tập trung đông người, chủ thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đặt các thùng rác phù hợp tại các địa điểm thuận tiện, đảm bảo số lượng, mỹ quan chung của khu vực để phục vụ việc thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt. Trường hợp trên vỉa hè, đường phố, nơi công cộng có chất thải rắn sinh hoạt rơi vãi mất vệ sinh và có nguy cơ gây mất an toàn giao thông, chủ thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phải chủ động khắc phục ngay khi phát hiện hoặc nhận được tin báo.

3. Các đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải từ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và từ trạm trung chuyển đến cơ sở xử lý phải đáp ứng đủ các yêu cầu theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

4. Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với quy hoạch quản lý chất thải rắn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ.

5. Việc đầu tư sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực quản lý chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với các quy định tại Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 7. Yêu cầu về kỹ thuật đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Điểm tập kết phải có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; có sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm;

2. Khu vực lưu giữ tạm thời hoặc trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các quy định sau: Có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt, mặt sàn trong khu vực lưu giữ được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm; mặt sàn có độ dốc phù hợp để đảm bảo toàn bộ nước rỉ rác phát sinh tập trung về hố thu; có hố thu gom nước rỉ rác đảm bảo thu toàn bộ lượng nước rỉ rác phát sinh tại khu vực lưu giữ; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ.

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

1. Thực hiện trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt như quy định tại Điều 16 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh ở nơi công cộng; đổ chất thải sinh hoạt đúng thời gian và nơi quy định; có trách nhiệm tham gia vào hoạt động thu gom và thực hiện việc phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy định này; có trách nhiệm tích cực tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, nơi công cộng do chính quyền và các đoàn thể địa phương phát động. Trường hợp phát hiện những vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, cần thông báo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Không đổ chất thải rắn sinh hoạt trên hè phố, lòng đường, hệ thống thoát nước, sông, suối, ao hồ, kênh mương, công viên, vườn hoa, khu vực công cộng; không để vật nuôi gây mất vệ sinh công cộng;

4. Không để lẫn chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn nguy hại, chất thải rắn xây dựng cùng chất thải rắn sinh hoạt ngoài phạm vi thi công gây cản trở giao thông, ô nhiễm môi trường và làm hư hỏng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn trong tỉnh có trách nhiệm quy định, hướng dẫn các thành viên trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của mình được biết và thực hiện đúng các nội dung của Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Thực hiện trách nhiệm của chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt như quy định tại Điều 18 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Không thu gom và vận chuyển chất thải rắn trong giờ cao điểm; không tập kết xe gom, xe vận chuyển tại các địa điểm dễ gây ùn tắc giao thông.

3. Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải được che chắn, tránh làm rơi vãi, bụi, nước rỉ rác gây bẩn đường phố, nơi công cộng, gây ô nhiễm môi trường.

4. Thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đúng quy trình công nghệ, đúng thời gian quy định, không gây ùn tắc giao thông; không để chất thải rắn sinh hoạt lưu giữ quá thời gian quy định làm ảnh hưởng tới vệ sinh môi trường, thực hiện vệ sinh thùng thu gom chất thải rắn theo quy trình.

5. Khuyến khích các chủ thu gom, vận chuyển phân loại chất thải nguy hại khỏi chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm tập kết, trạm trung chuyển. Việc quản lý chất thải nguy hại được thực hiện theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

Điều 10. Trách nhiệm của chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Thực hiện trách nhiệm của chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt như quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

2. Xây dựng phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt gửi Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

3. Chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt quản lý, vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy trình công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận đảm bảo cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt hoạt động an toàn và vệ sinh môi trường.

4. Hàng năm báo cáo chính xác về tình hình tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt từ các chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

5. Phối hợp và tạo điều kiện để cơ quan quản lý nhà nước thực hiện công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án đầu tư.

6. Trường hợp cải tạo, phục hồi môi trường khi đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 23 Nghị định số

38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu.

7. Hàng năm báo cáo định kỳ 01 lần/năm (chậm nhất trước ngày 10/12 hàng năm) về tình hình tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt từ các chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và báo cáo đột xuất theo yêu cầu đến Ủy ban nhân dân cấp huyện (đơn vị chủ quản trong hợp đồng dịch vụ), Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định. Nội dung báo cáo theo mẫu kèm theo Quy định này.

Điều 11. Xã hội hóa trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia xã hội hóa trong lĩnh vực thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và đầu tư xây dựng, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện có quyền tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo các hình thức xã hội hóa được Chính phủ quy định.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia xã hội hóa trong lĩnh vực chất thải rắn sinh hoạt được hưởng ưu đãi về nguồn vốn đầu tư và ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 12 Quy định này và quy định hiện hành.

Điều 12. Ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ về đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, thủ tục về đất đai; ưu đãi về huy động vốn đầu tư, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng; hỗ trợ về giá và tiêu thụ sản phẩm và các ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt được hưởng ưu đãi và hỗ trợ về tài chính theo quy định tại Mục II, Mục III Thông tư số 121/2008/TT-BTC ngày 12/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được hưởng các ưu đãi và hỗ trợ về tài chính theo quy định tại Mục III Thông tư số 121/2008/TT-BTC ngày 12/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn.

4. Các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ về quản lý chất thải rắn sinh hoạt được ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tổ chức lập, thẩm định quy hoạch quản lý chất thải rắn trình UBND tỉnh phê duyệt; tổ chức công bố, công khai quy hoạch quản lý chất thải rắn, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện.

2. Chủ trì, tổ chức phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan lập phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt để Sở Tài chính tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt theo Điểm a, Khoản 2, Điều 26, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

3. Hướng dẫn vận dụng, áp dụng định mức được Bộ Xây dựng công bố phù hợp điều kiện thực tế địa phương. Tham mưu UBND tỉnh ban hành, công bố đơn giá dịch vụ công ích đô thị. Hướng dẫn phương pháp lập dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh.

4. Thẩm định hoặc có ý kiến góp ý đối với các dự án đầu tư xây dựng xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thực hiện đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải theo quy hoạch, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

5. Phối hợp với các Sở ngành, UBND cấp huyện kiểm tra, thanh tra hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, giải quyết các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý chuyên ngành đã được UBND tỉnh giao.

6. Phối hợp với Sở tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ sở dữ liệu về chất thải rắn sinh hoạt, quản lý, khai thác, trao đổi, cung cấp thông tin có liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Hướng dẫn UBND cấp huyện và các Chủ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn kỹ thuật, quy trình quản lý trong việc phân loại, lưu giữ, tập kết, thu gom, trung chuyển, vận chuyển, sơ chế, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn. ✓

2. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, các khu tái chế, tái sử dụng, bãi chôn lấp theo quy định của pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn việc cải tạo, phục hồi môi trường của bãi chôn lấp chất thải rắn và quy trình đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sau khi kết thúc hoạt động.

4. Hàng năm rà soát nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

5. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

6. Xây dựng cơ sở dữ liệu về chất thải rắn sinh hoạt, quản lý, khai thác, trao đổi, cung cấp thông tin có liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt; Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động quản lý liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt thuộc lĩnh vực phân công phụ trách theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu xây dựng cơ chế hỗ trợ ưu đãi đầu tư, đồng thời hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục đầu tư khi tham gia đầu tư xây dựng các bãi chôn lấp, các nhà máy xử lý rác thải theo quy định của pháp luật.

2. Tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xử lý chất thải rắn theo hình thức xã hội hóa.

3. Tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư, kêu gọi, lựa chọn nhà đầu tư để đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Theo dõi tiến độ đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các chủ đầu tư và các ngành liên quan tổ chức thẩm định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức thẩm định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Hướng dẫn triển khai cơ chế ưu đãi và hỗ trợ về tài chính đối với việc xã hội hóa hoạt động đầu tư quản lý chất thải rắn.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán kinh phí phục vụ nhiệm vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Thẩm định công nghệ, thiết bị đối với các dự án đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt; chủ trì, phối hợp với Sở ngành liên quan lựa chọn công nghệ xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

2. Ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại trong việc thu gom, tái chế, tái sử dụng, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải.

3. Phối hợp với các Sở ngành liên quan trong việc kiểm tra, giám sát công nghệ trong quá trình triển khai thực hiện các dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Điều 18. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi

Chủ trì thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, bao gồm các hoạt động: triển khai công tác phân loại rác tại nguồn trong các khu kinh tế, khu công nghiệp; truyền thông, tuyên truyền về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng quy chế quản lý chất thải rắn sinh hoạt cho các khu công nghiệp, khu kinh tế; xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về chất thải rắn và kiểm tra các hoạt động liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt trong các khu công nghiệp, khu kinh tế.

Điều 19. Các Hội Đoàn thể, Tổ chức chính trị xã hội

1. Tăng cường vai trò trong công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường nói chung, quản lý chất thải rắn nông thôn nói riêng.

2. Tổ chức xây dựng các phong trào thi đua gắn liền hoạt động bảo vệ môi trường; triển khai, nhân rộng các mô hình bảo vệ môi trường.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố

1. Tổ chức công khai quy hoạch chất thải rắn trên địa bàn.

2. Chịu trách nhiệm kiểm tra đo đạc, cắm mốc cụ thể khoảng cách ly an toàn tối thiểu về môi trường đảm bảo quy chuẩn hiện hành. Quản lý chặt chẽ, xử lý theo thẩm quyền trật tự xây dựng không để người dân xây dựng trái phép nhà ở và các công trình khác trong phạm vi bán kính cách ly về môi trường.

3. Hàng năm, tổ chức điều tra, đánh giá lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, xây dựng và triển khai kế hoạch thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

4. Đầu tư, khuyến khích xã hội hóa và quản lý quá trình đầu tư cho thu gom, vận chuyển, xây dựng công trình xử lý chất thải rắn trên địa bàn.

5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

6. Chủ động nguồn lực để đầu tư cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương.

7. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện vệ sinh môi trường và nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

8. Giám sát và tổng hợp các chỉ tiêu về tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Định kỳ năm/lần (*chậm nhất trước ngày 15/12 hàng năm*) báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng về tình hình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Nội dung báo cáo theo mẫu tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thu gom, tập kết, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các thôn, làng, bản, tổ dân phố và các tổ chức tự quản về chất thải rắn sinh hoạt.

2. Phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp huyện trong việc lựa chọn và xây dựng các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đoàn thể cấp xã tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường, quản lý chất thải rắn; vận động nhân dân thực hiện việc phân loại chất thải tại nguồn, đổ rác đúng thời gian, đúng nơi quy định; kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn.

4. Kiểm tra việc chấp hành các quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn do mình quản lý, xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền pháp luật quy định; Đề xuất UBND cấp huyện phê duyệt hình thức tổ chức dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với các xã nông thôn phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội của từng địa phương.

5. Thực hiện công tác báo cáo định kỳ về tình hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn do mình quản lý theo hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức sắp xếp hoàn thiện hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất rắn sinh hoạt trên địa bàn để tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy định này.

2. Các chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm rà soát, chuyển đổi phương tiện thu gom, vận chuyển đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đối với phương tiện thu gom, vận chuyển; điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt như quy định tại Điều 8 Quy định này kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực. Giao Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

kiểm tra, hướng dẫn các chủ thu gom chuyển đổi phương tiện thu gom, vận chuyển đáp ứng yêu cầu quy định.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn giám sát, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng